TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT
Ngày 25-02-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 190/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trường Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 189, Khu vực 5, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Phòng 02.04 lầu 2, tòa nhà N, Số 38, đường T, Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H là Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH cao su E. Địa chỉ trụ sở: Lô 01-A 1, Đường số 5, khu công nghiệp X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Minh Q1 – Tổng giám đốc. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Hồng N là

Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Công N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 9/6/1/28, Khu phố 2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, được tống đạt hợp lệ).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH cao su E, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trường Q do ông Lê Tấn L đại diện trình bày:

Ngày 04/5/2017, ông Q có cho Công ty TNHH cao su E (gọi tắt là Công ty) vay số tiền 550.000.000đ với lãi suất 0,8%/tháng và hẹn 02 tháng trả. Ông Q nhiều lần đến Công ty nhắc nợ, Công ty hẹn trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty có trả lãi cho ông tới tháng 11/2017 là 07 tháng với số tiền 134.750.000đ (Trong đó có lãi suất 0,8%/tháng và lãi hỗ trợ 2,7%/tháng).

Nay ông yêu cầu Công ty phải trả nợ gốc 550.000.000đ và lãi suất 0,8%/tháng tính từ tháng 12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/11/2020) là 152.973.000đ. Tổng cộng phải trả gốc lãi là 702.973.000đ.

Bị đơn Công ty TNHH cao su E do ông Bùi Minh Q1 đại diện trình bày:

Thời điểm ông Bùi Minh Q1 tiếp nhận Công ty thì ông Q1 có được ông N (Tổng giám đốc cũ) bàn giao giấy tờ, chứng từ về số tiền vay 550.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi xem xét các giấy tờ về việc vay tiền, ông Q1 phát hiện ra rằng, lời trình bày giữa ông N và ông Q không thống nhất. Ngoài ra, ông N có trình bày với ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị của Công ty rằng trong số tiền 550.000.000đ mà ông Q cho vay có 400.000.000đ là tiền của ông N, 150.000.000đ là tiền của ông Q.

Nay ông Q cầu Công ty trả số tiền nợ gốc và lãi như trên với tổng số tiền 702.973.000đ thì Công ty không đồng ý vì số tiền này còn chưa rõ ràng và phần hỗ trợ lãi 2,7%/tháng không được quy định trong hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công N trình bày:

Vào năm 2017, ông N là người đại diện theo pháp luật của Công ty và ngày 04/5/2017, ông N có trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thống nhất vay của ông Nguyễn Trường Q số tiền 550.000.000đ với lãi suất 0,8%/tháng. Mục đích vay tiền là để tiếp tục vận hành Công ty, trả tiền nguyên liệu để công ty có thể tiếp tục sản xuất. Công ty đã nhận đủ tiền vay từ ông Q bằng phương thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Công ty. Đến hạn trả nợ nhưng Công ty không trả nên ông N có thông báo với Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị đồng ý trả phụ cấp thêm lãi suất cho ông Q là

2,7%/tháng. Công ty đã trả lãi cho ông Q đến tháng 11/2017 với số tiền 134.750.000đ và sau đó ông N nghỉ làm việc ở Công ty nên không còn biết.

Nay ông Q cầu Công ty trả số tiền nợ gốc và lãi như trên với tổng số tiền 702.973.000đ thì ông N đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty trả tiền cho ông Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 190/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đ căn cứ vào Điều 26, 35, 186 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 157, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường Q *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* đối với Công ty TNHH cao su E.

Buộc Công ty TNHH cao su E phải trả cho ông Nguyễn Trường Q số tiền gốc 550.000.000đ và tiền lãi từ ngày 10/12/2017 đến ngày 03/11/2020 với lãi suất 0,8%/tháng số tiền 152.973.000đ. Tổng cộng số tiền 702.973.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 09/11/2020, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử điều tiết lại số tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Hồng N và ông Bùi Minh Q1 thống nhất yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì phần nhận định của bản án lại buộc công ty trả tiền cho ông N là sai đối tượng. Hồ sơ vay tiền, lãi suất hỗ trợ 2,7%tháng chưa được Hội đồng quản trị thông qua và thực sự công ty hay ông N mới là người vay tiền của ông Nguyễn Trường Q, ông N nhận tiền từ công ty là 264 triệu đồng nhưng chỉ trả ông Q 134 triệu đồng số tiền còn lại đi về đâu, có việc cho vay nặng lãi hay không. Tất cả các vấn đề này cần phải được làm rõ, từ đó xác định tư cách của người bị kiện là công ty hay ông N.

Ông Lê Tấn L đồng ý điều tiết lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Căn cứ vào đơn khởi kiện, hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2017 Tòa án cấp sơ thẩm xác định công ty là bị đơn, ông N là

người có quyền và nghĩa vụ liên quan là phù hợp pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án cấp sơ thẩm buộc công ty trả cho ông Q số tiền gốc còn nợ 550 triệu đồng là phù hợp nhưng công ty có trả cho ông Q 07 tháng tiền lãi, mức lãi 3,5%/tháng với số tiền 134.750.000 đồng là không đúng quy định về lãi suất tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét thấy, cần điều chỉnh lại số tiền lãi đã nhận theo mức lãi suất quy định, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của công ty, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N vắng mặt đã được tống đạt hợp lệ, các đương sự khác có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm với các lý do được trình bày nêu trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[4] Căn cứ vào đơn khởi kiện, hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2017, Tòa án cấp sơ thẩm xác định công ty là bị đơn, ông N là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 68, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[5] Việc vay tiền giữa ông Q và công ty được xác lập bằng hợp đồng vay tiền ngày 04/5/2017, có chứng từ chuyển khoản từ tài khoản của ông Q vào tài khoản của công ty với số tiền 550 triệu đồng, được công ty thừa nhận và hồ sơ kế toán của công ty xác nhận là có khoản nợ này. Với các chứng cứ trên, cấp sơ thẩm xử buộc công ty trả cho ông Q khoản nợ gốc 550 triệu đồng là có căn cứ.

[6] Về khoản tiền lãi, từ ngày 04/5/2017 đến 04/12/2017 là 07 tháng hai bên xác nhận công ty đã trả lãi cho ông Q với số tiền là 134.750.000 đồng theo mức lãi suất 3,5%tháng (gồm khoản lãi thỏa thuận 0,8%tháng và khoản lãi hỗ trợ 2,7%tháng). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận và không được vượt quá 20%năm (1,66%tháng) do đó trong 07 tháng công ty phải trả khoản lãi cho ông Q là 63.910.000 đồng nên mức lãi suất thỏa thuận không được chấp nhận là 1,84%tháng, số tiền lãi đưa thừa trong 07 tháng cần phải điều chỉnh lại là 70.840.000 đồng.

[7] Theo yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi 0,8%tháng từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/11/2020 là 152.973.000đ. Xét thấy, cấp sơ thẩm xử chấp nhận mức lãi suất 0,8%tháng với số tiền 152.973.000đ là có cơ sở nhưng cần khấu trừ vào số tiền lãi đưa thừa

trong 07 tháng là 70.840.000 đồng nên công ty chỉ còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 82.133.000 đồng.

[8] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trong bản án nghĩa vụ chịu lãi tính từ thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong trường hợp này phải quyết định trong bản án nghĩa vụ chịu lãi là kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong nên cần tuyên sửa lại phần này cho phù hợp pháp luật.

[9] Từ những nhận định trên, xét thấy với các lý do mà phía bị đơn nêu ra để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận nhưng cần chấp nhận kháng cáo ban đầu yêu cầu điều tiết lại lãi suất theo quy định pháp luật như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, từ đó bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Về án phí: công ty không phải chịu án phí phúc thẩm; điều tiết lại án phí sơ thẩm, công ty chịu án phí trên số tiền được chấp nhận yêu cầu, nguyên đơn chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH cao su E.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2020/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường Q đối với Công ty TNHH cao su E về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc Công ty TNHH cao su E phải trả cho ông Nguyễn Trường Q tổng số tiền là 632.133.000đ (Sáu trăm ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) (gồm số tiền gốc là 550.000.000đ và số tiền lãi là 82.133.000đ).

Kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường Q về việc yêu cầu Công ty TNHH cao su E phải trả số tiền lãi là 70.840.000đ (Bảy mươi triệu tám trăm bốn chục ngàn đồng).

3. Về án phí:

Công ty TNHH cao su E phải chịu 29.285.320đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006817 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; Công ty TNHH cao su E còn phải nộp tiếp 28.985.320đ (Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm hai chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trường Q phải chịu 3.542.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 15.640.000đ theo biên lai thu số 5923 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; hoàn trả cho ông Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.098.000đ (Mười hai triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện;
-TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc